

Bản án số: 26/2022/HS-ST

Ngày 23- 6-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Tấn Đồng**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Huỳnh Văn Thanh**

Ông **Nguyễn Đình Cường**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phan Thị Hoàng Cúc**, là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít tham gia phiên tòa:
Ông **Võ Nhựt Linh** - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 19/2022/HS-ST ngày 06 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2022/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn M1, sinh năm 1973 tại xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. Nơi cư trú: Khóm 1, thị trấn L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: sửa điện tử; trình độ văn hóa (học vấn) lớp 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; Tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn P (chết) và bà Phạm Thị S (chết); có vợ (đã ly hôn) và 03 con; tiền án: không, tiền sự: không; nhân thân chưa có án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính và được xóa, chưa bị xử lý kỷ luật; bị cáo tại ngoại (có mặt).

- Bị hại: Anh **Nguyễn Văn M2**, sinh năm 1984; địa chỉ cư trú ấp C, xã H1, huyện N1, tỉnh Cà Mau; chỗ ở hiện nay ấp B, xã H, huyện M, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Ông **Phạm Ngọc K** – Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH PN và cộng sự - Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Long (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Chị **Đoàn Thị Thế N**, sinh năm 1977; địa chỉ cư trú ấp B, xã H, huyện M, tỉnh Vĩnh Long (có mặt)

- Người làm chứng: Anh **Nguyễn Hoàng Đức T**, sinh năm 1979; địa chỉ cư trú ấp B, xã H, huyện M, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Văn M1 và chị Đoàn Thị Thế N trước đây là vợ chồng, đã ly hôn ngày 05/7/2021.

Vào lúc khoảng 17 giờ 30 phút ngày 21/11/2021, bị cáo M1 đang ở cửa hàng sửa chữa điện tử Đ thuộc Phường 1, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long thì M1 kêu người tên L (không rõ họ tên và địa chỉ) chạy xe khách chở đến nhà chị N ở ấp B, xã H, huyện M để lấy chìa khóa xe ô tô biển số 64A- 093.02 và nhờ chị N ký tên làm thủ tục chuyển quyền sử dụng phương tiện xe ô tô nêu trên. Đến khoảng 18 giờ 20 phút cùng ngày thì L điều khiển xe mô tô (không rõ biển số) chở M1 đến trước cửa nhà chị N, M1 phát hiện xe ô tô biển số 64A – 097.77 của chị N đang đậu trước cửa và nhìn thấy anh M2 từ trên xe ô tô bước xuống và đến mở cổng rào định vào nhà chị N. Lúc này L điều khiển xe mô tô chở M1 chạy qua nhà chị N một đoạn thì M1 kêu L quay lại và đến gần chỗ xe ô tô biển số 64A – 097.77 đang đậu, biết anh M2 là bạn trai của chị N, do ghen tức nên M1 cầm cây mỏ lếch bằng kim loại mang theo sẵn trong túi quần cùng với L đuổi đánh M2, thấy M2 bị đuổi đánh chị N đang ngồi trên xe ô tô bước xuống ôm M1 để can ngăn, L thì tiếp tục đuổi đánh M2. L dùng tay đánh vào người M2 làm M2 té ngã ngửa xuống giữa đường Tỉnh 909, cùng lúc đó M1 đã xô chị N ra, tay cầm cây mỏ lếch bằng kim loại chạy đến đánh nhiều cái vào vùng đầu, mình của M2, còn L thì dùng tay, chân đấm, đá vào người M2. Trong lúc bị đánh thì M2 vùng dậy bỏ chạy về hướng cổng chào xã H, M1 cầm cây mỏ lếch đuổi theo nhưng không kịp và đã ném bỏ cây mỏ lếch về phía M2. Sau đó M1 lên xe mô tô L chở về nhà, còn M2 bị thương và được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa X điều trị đến ngày 25/11/2021 thì xuất viện. Ngày 26/11/2021, M2 làm đơn yêu cầu giám định thương tích và yêu cầu xử lý hành vi của M1.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 185/2021/TgT, ngày 31/12/2021 của Trung tâm pháp y tỉnh Vĩnh Long kết luận về thương tích của bị hại M2 như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Vết thương đỉnh trái # 0,5 cm, được điều trị, hiện tại vết thương kích thước 01 x 0,5 cm, không di chứng, cố tật. Tỷ lệ: 01%
- Vết thương cung mày phải # 02 cm, được điều trị, hiện vết thương kích thước 1,5 x 0,3 cm, không di chứng, cố tật: Tỷ lệ: 03%.
- Chấn thương phần mềm sau tai trái điều trị phục hồi. Tỷ lệ: 00%.

2. Theo Thông tư số: 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 04% (bốn phần trăm).

Ngày 19/01/2022, bị cáo M1 bị khởi tố về tội: Cố ý gây thương tích và ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

Trong quá trình điều tra bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, xác định thương tích của anh M2 có tỷ lệ thương tật 04% là do bị cáo gây ra.

Về vật chứng của vụ án: 01 (một) cây mỏ lếch bằng kim loại là công cụ dùng để thực hiện hành vi phạm tội, sau khi anh M2 bỏ chạy thì M1 cầm cây mỏ lếch đuổi theo nhưng không kịp và đã ném cây mỏ lếch về phía M2. Hiện nay Cơ quan điều tra không thu hồi được.

Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Hiện nay anh M2 yêu cầu bị cáo bồi thường các khoản chi phí: Chi phí điều trị thương tích, chi phí ăn uống, sinh hoạt của người bệnh và người nuôi bệnh, chi phí thực tế thu nhập của người bệnh và người nuôi bệnh, tiền tổn thất tinh thần với tổng số tiền là 24.091.608 đồng. Với yêu cầu trên thì bị cáo M1 thống nhất bồi thường và đã bồi thường xong.

Đối với người tên L (không rõ họ tên và địa chỉ) chạy xe khách chở M1 đến nhà chị N và cùng tham gia đánh anh M2. Hiện nay Cơ quan điều tra chưa làm việc được, khi nào làm việc được tiến hành xử lý sau.

Tại Cáo trạng số: 20/CT-VKS.HMT ngày 06 tháng 4 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện M truy tố bị cáo Nguyễn Văn M1 phạm tội: Cố ý gây thương tích, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung Cáo trạng và đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; Điều 36; các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Đề nghị tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn M1 phạm tội: Cố ý gây thương tích và đề nghị xử phạt bị cáo từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ, miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo; về trách nhiệm bồi thường thiệt hại không có yêu cầu nên không xét và về án phí buộc bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại thống nhất với tội danh và các tình tiết giảm nhẹ áp dụng cho bị cáo theo đề nghị của Viện kiểm sát. Tuy nhiên, đề nghị áp dụng hình phạt tương xứng với hành vi của bị cáo và đề nghị áp dụng tình tiết tăng nặng có tính chất côn đồ đối với bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận mình có tội và không có ý kiến tranh luận. Lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện M, tỉnh Vĩnh Long, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Vĩnh Long, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn M1 khai nhận: Do ghen tức trong tình cảm nên vào ngày 21/11/2021, bị cáo có dùng cây mõ lếch bằng kim loại đánh nhiều cái vào vùng đầu và mình của anh M2 gây thương tích cho anh M2, với tỷ lệ thương tật là 04%.

Xét; lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với nội dung cáo trạng và lời buộc tội của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của bị hại,

người làm chứng, kết quả giám định và phù hợp với các chứng cứ khác đã thu thập được trong quá trình điều tra vụ án. Đã có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận: Nguyễn Văn M1 phạm tội: Cố ý gây thương tích, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến khách thể được luật hình bảo vệ, đó là sức khỏe của người khác. Hành vi phạm tội của bị cáo không những vi phạm pháp luật mà còn gây bất bình trong xã hội, làm mất trật tự ở địa phương. Đi ngược lại chủ trương của Đảng và Nhà nước về cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư. Vì thế cần xử phạt bị cáo một mức hình phạt nghiêm để giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên, xét bị cáo sau khi phạm đã thành khẩn khai báo, đã bồi thường thiệt hại xong; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Nên xem đây là các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

[3] Do bị cáo làm nghề tự do nên miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Không có yêu cầu nên không xét.

[5] Do bị cáo đã biết bị hại từ trước và do ghen tức trong tình cảm nên bị cáo mới đánh bị hại. Từ đó, chưa đủ căn cứ xác định bị cáo phạm tội với tình tiết tăng nặng có tính chất côn đồ. Vì vậy xét đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại là có căn cứ nên chấp nhận một phần.

[6] Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 134; Điều 36; các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn M1 phạm tội: Cố ý gây thương tích.

1. Phạt bị cáo Nguyễn Văn M1 02 (hai) năm cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt được tính kể từ ngày Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Văn M1 cho Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Nguyễn Văn M1.

2. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Không có yêu cầu nên không xét.

3. Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Nguyễn Văn M1 phải chịu số tiền 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định, được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi

hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được quy định theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Báo cho biết có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (M15) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Công an tỉnh Vĩnh Long;
- Sở tư pháp tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện M;
- Công an huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND thị trấn L;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trương Tấn Đồng